

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2026/HS-PT

Ngày: 26/8/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Đăng

Ông Nguyễn Công Hoàn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Phương Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh LD.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LD tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh LD, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 227/2026/TLPT-HS ngày 30 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo Đàm Văn Tr, Vy Thị Tr1, Nguyễn Văn Tr3, Hoàng Văn U và Hứa Thị Ngọc D, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2026/HS-ST ngày 26/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – LD.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Đàm Văn Tr, sinh ngày 18/10/1996; nơi đăng ký thường trú: thôn Thọ Nhân, xã Quỳnh Phú, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện tại: số 25 PDP, xã DT, tỉnh LD; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 09/12; con ông Đàm Văn H1, sinh năm 1968; con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; anh, chị, em ruột: có 03 người, bị cáo là con lớn nhất, người nhỏ nhất sinh năm 2004; vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2026 đến ngày 19/3/2026, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Vy Thị Tr1, sinh ngày 11/8/1976; nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại: số 718 Quốc lộ 20, xã DT, tỉnh LD; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; con ông Vy Văn S, sinh năm 1954; con bà Mã Thị D, sinh năm 1958; anh, chị, em ruột: có 02 người, bị cáo là con lớn nhất, người nhỏ nhất sinh năm 1979; chồng: Nông Văn Đc, sinh năm 1969; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2000. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2026 đến ngày 19/3/2026, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Nguyễn Văn Tr3, sinh ngày 17/9/1994; nơi đăng ký thường trú: thôn Thọ Phú, xã Quỳnh Phú, tỉnh Nghệ An; nơi ở hiện tại: hẻm 1064 Quốc lộ 20, thôn 32, xã DT, tỉnh LD; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1956 (đã chết); con bà Trương Thị H, sinh năm 1956; anh, chị, em ruột: có 02 người, người lớn nhất sinh năm 1987, bị cáo là con nhỏ nhất; vợ: Trần Thị H, sinh năm 2002; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2021, nhỏ nhất sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2026 đến ngày 19/3/2026, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: Hoàng Văn U, sinh ngày 09/4/1976; nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại: thôn 33, xã DT, tỉnh LD; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; con ông Hoàng Văn Tẩy (đã chết); con bà Sơn Thị T (đã chết); anh, chị, em ruột: có 03 người, người lớn nhất sinh năm 1972, bị cáo là con nhỏ nhất; vợ: Nguyễn Thị C, sinh năm 1975; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2026 đến ngày 19/3/2026, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Hứa Thị Ngọc D, sinh ngày 10/3/1985; nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại: hẻm 1025 Quốc lộ 20, thôn 16, xã DT, tỉnh LD; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Nùng; tôn giáo: không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Hứa Văn K, sinh năm 1963; con bà Dương Thị X, sinh năm 1961; anh, chị, em ruột: có 04 người, người lớn nhất sinh năm 1981, người nhỏ nhất sinh năm 1987; chồng: Vày Lâm C, sinh năm 1989; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/3/2026 đến ngày 19/3/2026, sau đó được thay thế biện pháp ngăn chặn; hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn U, Hứa Thị Ngọc D, Vy Thị Tr1, Đàm Văn Tr, Nguyễn Văn Tr3: Luật sư Nguyễn Thị H và Luật sư Đỗ Quốc A - Văn phòng Luật sư Thành Phát - Đoàn Luật sư tỉnh LD. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 13/3/2026, Công an xã DT nhận được tin báo của bà Nguyễn Thị Kiều O, chủ quán cà phê “Su Ti”, về việc có khách đến uống cà phê và đánh bạc thắng thua bằng tiền. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, Công an xã DT phối hợp với Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh LD tiến hành bắt quả tang tại quán cà phê “Su Ti”, địa chỉ số 16 PDP, xã DT, tỉnh LD, đối với 06 đối tượng gồm; Hoàng Văn U, Đàm Văn Tr, Vy Văn Th, Vy Thị Tr1, Nguyễn Văn Tr3 và Hứa Thị Ngọc D đang đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh

bài Cát tê. Thu giữ số tiền trên xới bạc là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng), 01 (một) bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng, 05 (năm) bộ bài tây 52 lá chưa sử dụng; thu giữ trên người các đối tượng số tiền dùng để đánh bạc là 7.310.000đ (bảy triệu ba trăm mười nghìn đồng) và số tiền xâu là 20.000đ (hai mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra xác định: Vào khoảng 11 giờ ngày 13/3/2026, Hoàng Văn U, Đàm Văn Tr, Vy Văn Th, Vy Thị Tr1, Nguyễn Văn Tr3 và Hứa Thị Ngọc D đến quán cà phê “Su Ti”, địa chỉ số 16 PDP, xã DT, tỉnh LD để uống cà phê. Sau đó, cả nhóm cùng rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài Cát tê. Hứa Thị Ngọc D ra quán tạp hóa mua 06 (sáu) bộ bài tây, loại 52 lá; sau đó, các đối tượng tham gia đánh bạc tại bàn uống nước trong quán cà phê “Su Ti”, ở vị trí đối diện cầu thang. Các đối tượng thống nhất đánh bạc không đầu chón; ai thua thì lấy tiền trong người ra chung, ai thắng thì lấy tiền trên bàn bỏ vào người; mức cược mỗi ván là 100.000đ. Nếu ai thắng 02 ván liên tục thì xâu 20.000đ để trả tiền mua bài và nước uống. Cả nhóm tham gia đánh bạc đến khoảng 13 giờ thì bị Công an bắt quả tang.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKSKV2 ngày 27 tháng 5 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – LD đã truy tố các bị cáo Đàm Văn Tr, Vy Văn Th, Vy Thị Tr1, Hoàng Văn U, Hứa Thị Ngọc D và Nguyễn Văn Tr3 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2026/HS-ST ngày 26/6/2026, Tòa án nhân dân khu vực 2 – LD đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đàm Văn Tr, Vy Văn Th, Vy Thị Tr1, Hoàng Văn U, Hứa Thị Ngọc D và Nguyễn Văn Tr3 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đàm Văn Tr, Vy Thị Tr1, Hoàng Văn U, Hứa Thị Ngọc D và Nguyễn Văn Tr3.

Xử phạt:

- Bị cáo Đàm Văn Tr 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ 07 (bảy) ngày, từ ngày 13/3/2026 đến ngày 19/3/2026.

- Bị cáo Vy Thị Tr1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ 07 (bảy) ngày, từ ngày 13/3/2026 đến ngày 19/3/2026.

- Bị cáo Hoàng Văn U 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ 07 (bảy) ngày, từ ngày 13/3/2026 đến ngày 19/3/2026.

- Bị cáo Hứa Thị Ngọc D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ 07 (bảy) ngày, từ ngày 13/3/2026 đến ngày 19/3/2026.

- Bị cáo Nguyễn Văn Tr3 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ 07 (bảy) ngày, từ

ngày 13/3/2026 đến ngày 19/3/2026.

Ngày 29/6/2026, các bị cáo Vy Thị Tr1, Hoàng Văn U, Hứa Thị Ngọc D và Đàm Văn Tr kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo. Ngày 01/7/2026, bị cáo Nguyễn Văn Tr3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và đều thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, xác định việc quy kết đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh LD phát biểu quan điểm về vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 355, Điều 356 Bộ Luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đàm Văn Trung, Vy Thị Trâm, Hoàng Văn Út, Hứa Thị Ngọc Điệp, Nguyễn Văn Trang; giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày: các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đều có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, lần đầu phạm tội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Vy Thị Trâm, Hoàng Văn Út, Hứa Thị Ngọc Điệp là dân tộc thiểu số nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế dẫn đến hành vi phạm tội. Các bị cáo đều có xác nhận hoàn cảnh khó khăn, bị cáo Trâm bị ung thư cổ tử cung giai đoạn 3; bị cáo Trang, Trung có ông bà là người có công với cách mạng; bị cáo Út là lao động chính trong gia đình, vợ thường xuyên bị bệnh; bị cáo Điệp có chồng tai nạn lao động, đang nuôi con nhỏ; các bị cáo đều đã tự nguyện nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm nên đủ căn cứ áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo hối hận vì đã thực hiện hành vi đánh bạc, đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo được nộp trong thời hạn luật định. Người kháng cáo, thủ tục và thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ kết luận: Vào khoảng 11 giờ ngày 13/3/2026, Hoàng Văn U, Đàm Văn Tr, Vy Văn Th, Vy Thị Tr1, Nguyễn Văn Tr3 và Hứa Thị Ngọc D đến quán cà phê “Su Ti”, địa chỉ số 16 PDP, xã DT, tỉnh LD để uống cà phê. Sau đó, cả nhóm cùng rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức đánh bài Cát tê. Hứa Thị Ngọc D ra quán tạp hóa mua 06 (sáu) bộ bài tây, loại 52 lá; sau đó, các đối tượng tham gia đánh bạc tại bàn uống nước trong quán cà phê “Su Ti”, ở vị trí đối diện cầu thang. Các đối tượng thống nhất đánh bạc không đậu chón; ai

thua thì lấy tiền trong người ra chung, ai thắng thì lấy tiền trên bàn bỏ vào người; mức cược mỗi ván là 100.000đ. Nếu ai thắng 02 ván liên tục thì xâu 20.000đ để trả tiền mua bài và nước uống. Cả nhóm tham gia đánh bạc đến khoảng 13 giờ thì bị Công an bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc được chứng minh là 7.930.000đ.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Đàm Văn Tr, Vy Văn Th, Vy Thị Tr1, Hoàng Văn U, Hứa Thị Ngọc D và Nguyễn Văn Tr3 phạm tội “Đánh bạc” theo quy định khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo thì thấy rằng:

Các bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc mang tính đồng phạm giản đơn, không có sự phân công vai trò cụ thể, các bị cáo cùng thống nhất ý chí, đều tham gia với vai trò là người thực hành. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, là tệ nạn xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến nếp sống văn hóa và có thể làm phát sinh các tệ nạn khác, gây bất bình trong nhân dân. Các bị cáo đều nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi nên vẫn cố ý thực hiện nên cần xử phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo sự răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả và nhân thân của từng bị cáo. Các bị cáo Đàm Văn Tr, Vy Thị Tr1, Hoàng Văn U, Hứa Thị Ngọc D và Nguyễn Văn Tr3 trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên đều được áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và xử phạt mỗi bị cáo 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn Tr nộp bổ sung Đơn xác nhận là lao động chính, duy nhất trong gia đình, gia đình có hoàn cảnh khó khăn hiện nuôi mẹ già 70 tuổi và 02 con còn nhỏ. Mẹ ruột tên Trương Thị H, sinh năm 1956, có ông bà ngoại Trương Đình Ho, Nguyễn Thị Ca được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất (quyết định số 113 KT/CTN, ngày 02/3/2001) đã được chứng thực ngày 02/7/2026 tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã QP, tỉnh NA; bị cáo Đàm Văn Tr cung cấp Huy chương Kháng chiến hạng Ba của ông nội là ông Đàm Ngọc T, bản photo có chứng thực của Trung tâm phục vụ hành chính công xã QP, ngày 02/7/2026; Giấy chứng nhận thương bệnh binh của ông Đàm Ngọc Tuất; bị cáo Hứa Thị Ngọc D cung cấp đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình, thể hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo Hoàng Văn U cung cấp đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình, thể hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo Vy Thị Tr1 cung cấp đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình và tài liệu thể hiện bản thân đang mắc bệnh hiểm nghèo. Mỗi bị cáo đều đã nộp án phí hình sự sơ thẩm số tiền là 200.000đ. Đây không phải tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy

định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Trung và bị cáo Trang được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo Đàm Văn Tr, Vy Thị Tr1, Hoàng Văn U, Hứa Thị Ngọc D và Nguyễn Văn Tr3 là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đủ tác dụng giáo dục răn đe phòng ngừa chung. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; cần giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đàm Văn Tr, Vy Thị Tr1, Hoàng Văn U, Hứa Thị Ngọc D và Nguyễn Văn Tr3. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 100/2026/HS-ST ngày 26/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – LD.

Tuyên bố các bị cáo Đàm Văn Tr, Vy Thị Tr1, Hoàng Văn U, Hứa Thị Ngọc D và Nguyễn Văn Tr3 phạm tội “*Đánh bạc*”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đàm Văn Tr 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ 07 (bảy) ngày, từ ngày 13/3/2026 đến ngày 19/3/2026.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Vy Thị Tr1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ 07 (bảy) ngày, từ ngày 13/3/2026 đến ngày 19/3/2026.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Tr3 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ 07 (bảy) ngày, từ ngày 13/3/2026 đến ngày 19/3/2026.

1.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn U 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ 07 (bảy) ngày, từ ngày 13/3/2026 đến ngày 19/3/2026.

1.5. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hứa Thị Ngọc D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ 07 (bảy) ngày, từ ngày 13/3/2026 đến ngày 19/3/2026.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Đàm Văn Tr, Vy Thị Tr1, Hoàng Văn U, Hứa Thị Ngọc D và Nguyễn Văn Tr3, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh LD;
- Vụ GDKT I – TANDTC;
- Phòng GDKT, KT&THA;
- Sở Tư pháp tỉnh LD;
- TAND khu vực 2 – LD;
- VKSND khu vực 2 – LD;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh LD;
- Phòng THADS khu vực 2 – LD;
- THADS tỉnh LD;
- Phòng PV06 Công an tỉnh LD;
- Các bị cáo (05);
- Lưu hồ sơ; án văn (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Vân